

Tuần 21: 24/01 - 29/01/22

BÀI 29. THỰC VẬT (TT)

1. ĐA DẠNG THỰC VẬT

2. VAI TRÒ CỦA THỰC VẬT

Hoạt động 4. Tìm hiểu vai trò của thực vật trong đời sống

HS thực hiện các yêu cầu hoạt động trong SGK.

8. Quan sát hình 29.7, hãy nêu vai trò của thực vật đối với đời sống con người. Đối với đời sống con người, thực vật:



- Cung cấp lương thực, thực phẩm và cây ăn quả: bầu, su hào, sắn,...
- Cung cấp dược liệu (làm thuốc): tía tô, cơm nguội,...
- Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp: cà phê, ca cao,...
- Cung cấp gỗ: lim, táu, sến,...
- Cung cấp cây cảnh: tùng, vạn tuế, đa, si,...

Luyện tập

* Nêu vai trò của một số loài thực vật ở địa phương em theo mẫu.

Đáp án:

Tên cây	Giá trị sử dụng					
	Làm lương thực	Làm thực phẩm	Làm thuốc	Lấy quả	Lấy gỗ	Làm cảnh
Cây ngô	+	+	+	-	-	-
Cây xoài	-	-	-	+	+	-
Cây đu đủ	-	+	+	+	-	-
Cây chè	-	+	-	-	-	+
Cây cau	-	-	+	+	-	-
Cây dừa	-	-	-	+	+	+
Cây mít	-	-	-	+	+	+
Cây diếp cá	-	+	+	-	-	-
Cây thông	-	-	+	-	+	+

Ngoài những lợi ích trên, một số thực vật có hại đối với con người. GV hướng dẫn HS đọc thêm trong SGK về một số loài thực vật có chứa độc tố hoặc chất kích thích gây nghiện.

Thông qua các nội dung thảo luận và phân luyện tập trên, GV hướng dẫn để HS rút ra kết luận về sự cần thiết của việc trồng và bảo vệ cây xanh. Từ đó, kết luận về vai trò của thực vật trong tự nhiên, vấn đề bảo vệ môi trường và đời sống con người.

**Tiểu kết:*

- *Vai trò của thực vật trong tự nhiên:*
 - + *Thức ăn của nhiều loài sinh vật khác.*
 - + *Cung cấp nơi ở, nơi sinh sản cho nhiều loài sinh vật.*
 - + *Góp phần giữ cân bằng hàm lượng khí oxygen và carbon dioxide trong không khí, điều hòa khí hậu.*
 - + *Chống xói mòn đất.*
- *Vai trò của thực vật trong thực tiễn:*
 - + *Cung cấp lương thực, thực phẩm.*
 - + *Làm thuốc.*
 - + *Nguyên liệu cho các ngành công nghiệp.*

+ *Làm cảnh.*

+ *Một số Thực vật có chứa độc tố hoặc chất kích thích gây nghiện, có hại có sức khỏe con người.*

Vận dụng

*Tại sao nói "Rừng là lá phổi xanh" của Trái Đất?

Rừng là nơi sống của một số lượng lớn các loài thực vật, là nơi điều hoà khí hậu, điều hoà không khí, trao đổi khí cho mọi hoạt động sống và sản xuất của con người

C. HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP

1. Đáp án c.

2.

Đặc điểm	Rêu	Dương xỉ	Hạt trần	Hạt kín
Mạch dẫn	—	+	+	+
Hạt	—	—	+	+
Hoa/quả	—	—	—	+

3. (1)- thân (2) - lá (3) - rễ (4) - mạch dẫn (5) - bào tử (6) - túi bào tử (7) - ngọn.

4. a) (2): Sâu ăn lúa; (3): Ếch.

b) Thực vật cung cấp lương thực, thực phẩm cho động vật và con người.

D. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

Tiếp tục làm bài tập SGK

Chuẩn bị bài 30

BÀI 30. THỰC HÀNH PHÂN LOẠI THỰC VẬT

1. Chuẩn bị:

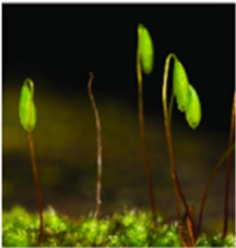
- Dụng cụ: Kính lúp, bút chì, nhãn dán,...
- Mẫu vật: Thực vật ở địa phương thuộc 4 nhóm Rêu, Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín hoặc tranh ảnh thực vật

2. Cách tiến hành

Hoạt động 1: Thực hành phân loại các nhóm thực vật

Bước 1: Quan sát và xác định đặc điểm đặc trưng của mẫu vật: rễ, thân, lá, hoa, quả.

Bước 2: Phân loại mẫu vật theo nhóm.

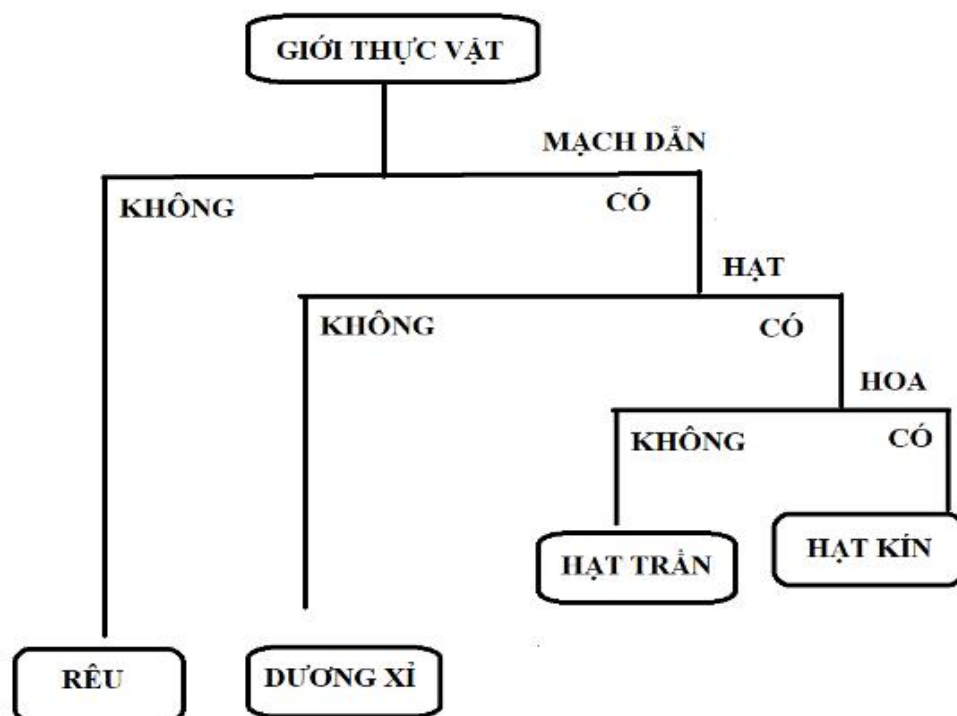
 Cây rêu tường	 Cây vạn tuế	 Cây dâu tằm
 Thông 3 lá	 cây nắp ấm	 Hoa quỳnh trắng
 Bèo hoa dâu	 Cây cỏ bọ	 Cây lúa nước

Nhóm thực vật	Đặc điểm	Môi trường sống
---------------	----------	-----------------

Nhóm Rêu	Có thân, lá và rễ giả Không có mạch dẫn Sinh sản bằng bào tử.	Nơi ẩm ướt: tường, thân cây mục, nền đá ẩm ven suối,...
Nhóm Dương xỉ	Có rễ, thân, lá đầy đủ Có hệ mạch dẫn, không có hạt Sinh sản bằng bào tử (các túi bào tử nằm mặt sau lá).	Môi trường cạn, dưới các tán cây lớn.
Nhóm Hạt trần	Có rễ, thân, lá đầy đủ Có hệ mạch dẫn Chưa có hoa; hạt có cấu trúc tương tự hình nón, không được bao bọc trong quả Cơ quan sinh sản: nón đực, nón cái.	Môi trường thích nghi: vùng lạnh.
Nhóm Hạt kín	Có rễ, thân, lá đầy đủ, đa dạng Có hệ mạch dẫn Hoa là cơ quan sinh sản; hạt được bảo vệ trong quả.	Số lượng loài lớn; phân bố đa dạng ở các môi trường sống khác nhau.

B

Bước 3: Xây dựng sơ đồ khóa lưỡng phân.



Báo cáo kết quả thực hành.

***HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ: Làm mẫu ép thực vật: (Làm vào giấy tập hoặc bìa cứng)**

1/ Có mấy bước làm mẫu ép?

2/ HS lựa chọn mẫu vật bất kỳ và tiến hành làm mẫu vật ép khô?